



---

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp số** 1600192619 ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Huỳnh Văn Thôn	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mỹ	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Phước Đức	Phó Chủ tịch (đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)
	Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên
	Ông Võ Văn Á	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Âm	Thành viên
	Ông Phạm Thanh Thọ	Thành viên
	Ông Trần Quốc Thanh	Thành viên
	Bà Thùy Vũ Dropsey	Thành viên (từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)	
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Huỳnh Văn Thôn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Phước Đức	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Trần Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Lê Thu Hiền	Phó Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)
	Ông Phan Bá Ngọc Phương	Thành viên
	Bà Võ Thị Thùy Tiên	Thành viên
	Ông Huỳnh Thanh Nhuận	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 23 Đường Hà Hoàng Hồ Phường Mỹ Xuyên Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán: 17-01-618

Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>5.463.453.525.523</b>	<b>5.026.954.201.323</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>93.015.862.439</b>	<b>261.045.924.700</b>
Tiền	111		73.015.862.439	261.045.924.700
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>12(a)</b>	<b>27.301.568.917</b>	<b>25.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.301.568.917	25.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.480.128.310.457</b>	<b>3.268.204.842.104</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.423.507.301.599	3.258.939.564.529
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.349.217.346	54.621.704.498
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	208.386.204.482	93.594.589.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(172.114.412.970)	(138.951.016.344)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.837.252.164.004</b>	<b>1.464.525.461.172</b>
Hàng tồn kho	141		1.837.375.369.489	1.465.601.144.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(123.205.485)	(1.075.682.864)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.755.619.706</b>	<b>8.177.973.347</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	3.917.690.751	6.409.390.734
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.134.395.355	1.768.582.613
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	703.533.600	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.228.645.371.541</b>	<b>1.201.928.256.719</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>666.074.478.373</b>	<b>644.697.110.228</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	456.608.217.526	439.742.642.564
Nguyên giá	222		758.129.281.576	687.098.266.044
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(301.521.064.050)	(247.355.623.480)
Tài sản cố định vô hình	227	10	209.466.260.847	204.954.467.664
Nguyên giá	228		214.156.017.147	208.483.452.747
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.689.756.300)	(3.528.985.083)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52.358.251.602</b>	<b>91.237.557.345</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	52.358.251.602	91.237.557.345

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12(b)</b>	<b>463.886.262.874</b>	<b>420.349.930.624</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		446.091.826.000	443.091.826.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		32.983.650.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.189.213.126)	(22.741.895.376)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.326.378.692</b>	<b>45.643.658.522</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	31.485.661.916	29.069.961.054
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	14.840.716.776	16.573.697.468
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.692.098.897.064</b>	<b>6.228.882.458.042</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>4.246.315.692.396</b>	<b>3.976.222.038.005</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.986.010.310.383</b>	<b>3.850.868.141.859</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.391.596.903.242	1.539.949.333.293
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.997.441.424	35.705.702.655
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	174.955.772.114	74.574.028.927
Phải trả người lao động	314		38.682.314.156	40.165.863.891
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	116.018.469.497	61.081.681.145
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	75.986.821.161	150.470.156.379
Vay ngắn hạn	320	19(a)	2.145.641.642.711	1.901.737.485.956
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	37.130.946.078	47.183.889.613
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>260.305.382.013</b>	<b>125.353.896.146</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.590.000.000	1.690.000.000
Vay dài hạn và trái phiếu phát hành	338	19(b)	220.000.000.000	73.721.650.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	38.715.382.013	49.942.246.146

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.445.783.204.668</b>	<b>2.252.660.420.037</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>2.445.783.204.668</b>	<b>2.252.660.420.037</b>
Vốn cổ phần	411	23	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		756.944.515.492	683.864.950.466
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		174.238.330.361	179.556.267.456
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		564.915.858.815	439.554.702.115
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		439.554.702.115	310.827.543.057
- <i>Chi trả cổ tức</i>	421a		(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
- <i>Trích lập và hoàn nhập các quỹ</i>	421a		(145.544.617.026)	(92.128.519.702)
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		472.389.223.726	422.339.128.760
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6.692.098.897.064</b>	<b>6.228.882.458.042</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	8.508.363.049.075	7.876.063.424.964
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	287.642.220.779	184.125.439.524
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>8.220.720.828.296</b>	<b>7.691.937.985.440</b>
Giá vốn hàng bán	11	27	6.421.565.573.151	6.118.053.385.836
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.799.155.255.145</b>	<b>1.573.884.599.604</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	17.387.348.398	25.982.667.814
Chi phí tài chính	22	29	128.340.887.122	170.279.814.012
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		118.754.766.763	114.401.869.542
Chi phí bán hàng	25	30	843.210.472.788	653.865.909.455
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	270.800.219.274	267.779.989.920
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>574.191.024.359</b>	<b>507.941.554.031</b>
Thu nhập khác	31	32	18.681.141.642	27.260.322.455
Chi phí khác	32		1.059.277.979	609.275.884
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>17.621.863.663</b>	<b>26.651.046.571</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>591.812.888.022</b>	<b>534.592.600.602</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	117.690.683.604	114.136.330.389
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	1.732.980.692	(1.882.858.547)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>472.389.223.726</b>	<b>422.339.128.760</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>591.812.888.022</b>	<b>534.592.600.602</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		61.526.478.983	55.776.900.935
Các khoản dự phòng	03		14.686.363.829	42.480.619.588
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(797.035.559)	8.733.938.594
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(364.710.444)	(14.302.109.091)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(6.463.840.135)	(4.363.402.487)
Chi phí lãi vay	06		118.754.766.763	114.401.869.542
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>779.154.911.459</b>	<b>737.320.417.683</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(263.316.559.909)	120.389.359.439
Biến động hàng tồn kho	10		(371.774.225.453)	126.513.234.548
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(73.604.800.676)	263.997.528.381
Biến động chi phí trả trước	12		9.141.864.548	13.174.222.366
			<b>79.601.189.969</b>	<b>1.261.394.762.417</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(111.062.883.203)	(115.638.864.765)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(56.370.870.306)	(7.794.058.182)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(89.090.923.595)	(114.067.376.759)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(176.923.487.135)</b>	<b>1.023.894.462.711</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(75.872.564.256)	(121.799.968.239)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		16.892.143.184	17.681.706.308
Tiền chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(82.301.568.917)	(214.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		80.000.000.000	189.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	25		(35.983.650.000)	(8.769.808.000)
Tiền thu từ bán khoản đầu tư dài hạn	26		-	9.881.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.184.674.217	1.352.839.487
Tiền thu cổ tức	27		1.524.999.480	3.010.563.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(92.555.966.292)</b>	<b>(123.643.667.444)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		5.847.534.768.384	4.614.627.688.134
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.456.920.886.629)	(5.331.762.890.137)
Tiền chi trả cổ tức	36		(289.188.903.500)	(89.398.395.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>101.424.978.255</b>	<b>(806.533.597.003)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(168.054.475.172)</b>	<b>93.717.198.264</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>261.045.924.700</b>	<b>166.984.221.758</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>24.412.911</b>	<b>344.504.678</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>93.015.862.439</b>	<b>261.045.924.700</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm và bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 13 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 13 công ty con) được liệt kê ở Thuyết minh số 12(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2.933 nhân viên (1/1/2017: 3.091 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 2 năm đến 14 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 10 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu phát hành được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

**(p) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	9.879.795.162	8.986.548.161
Tiền gửi ngân hàng	63.032.559.277	252.059.376.539
Tiền đang chuyển	103.508.000	-
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>	<b>93.015.862.439</b>	<b>261.045.924.700</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 8.451 triệu VND (1/1/2017: 49.585 triệu VND) được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	233.945.560.111	329.603.888.880
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	128.321.049.550	419.943.309.051
Các khách hàng khác	3.061.240.691.938	2.509.392.366.598
	<b>3.423.507.301.599</b>	<b>3.258.939.564.529</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	247.659.193.555	311.200.511.924
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	241.318.439.880	277.158.983.417
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	233.945.560.111	329.603.888.880
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	211.056.137.751	236.506.403.836
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	128.321.049.550	419.943.309.051
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	54.121.993.803	53.761.618.719
Các công ty con khác	103.088.906.298	247.345.869.415

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Đã phân loại lại)</b>
Tạm ứng cho người lao động	42.993.223.568	42.304.449.679
Chiết khấu mua hàng được hưởng	98.101.045.899	3.635.123.680
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	8.872.911.819	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.308.454.530	-
Phải thu cổ tức	1.210.563.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	543.603.438	-
Phải thu khác	41.207.672.447	34.506.286.281
	<b>208.386.204.482</b>	<b>93.594.589.421</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Nguyễn Minh Hùng	Trên 3 năm	11.231.443.002	(11.231.443.002)	-	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	9.602.557.225	(6.590.690.058)	3.011.867.167	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754
Đình Thị Phương	Trên 3 năm	9.318.582.005	(6.733.082.005)	2.585.500.000	Từ 2 đến 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Trên 3 năm	7.149.945.350	(7.149.945.350)	-	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)	150.000.000	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.700.573.077	(6.700.573.077)	-	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-
Nguyễn Văn Thao	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000
Đỗ Thị Trinh	Trên 3 năm	4.186.341.351	(3.943.341.351)	243.000.000	Từ 2 đến 3 năm	4.186.341.351	(3.743.341.351)	443.000.000
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	3.890.358.320	(3.890.358.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
Nguyễn Văn Trung	Từ 2 đến 3 năm	4.565.176.319	(3.195.623.423)	1.369.552.896	Từ 1 đến 2 năm	5.265.176.319	-	5.265.176.319
Các đối tượng khác	Từ 2 đến 3 năm	283.512.975.522	(110.355.559.332)	173.157.416.190	Từ 1 đến 2 năm	206.140.085.053	(85.441.346.923)	120.698.738.130
		353.051.749.223	(172.114.412.970)	180.937.336.253		280.700.280.858	(138.951.016.344)	141.749.264.514

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	138.951.016.344	103.432.332.685
Trích lập dự phòng trong năm	34.731.094.320	48.852.851.696
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.567.697.694)	(13.334.168.037)
	172.114.412.970	138.951.016.344
Số dư cuối năm	172.114.412.970	138.951.016.344

## 8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	40.577.445.600	-	19.020.874.159	-
Nguyên vật liệu	323.095.053.204	-	319.710.983.059	-
Công cụ, dụng cụ	1.280.028.986	-	1.338.350.669	-
Sản phẩm dở dang	15.574.138.094	-	28.577.304.742	-
Thành phẩm	235.652.382.046	(123.205.485)	139.910.167.471	(1.075.682.864)
Hàng hóa	1.206.975.202.067	-	938.793.655.021	-
Hàng gửi đi bán	14.221.119.492	-	18.249.808.915	-
	1.837.375.369.489	(123.205.485)	1.465.601.144.036	(1.075.682.864)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 304 triệu VND thành phẩm (1/1/2017: 23.992 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.075.682.864	6.806.448.829
Trích lập dự phòng trong năm	123.205.485	3.091.317.328
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.075.682.864)	(8.822.083.293)
	123.205.485	1.075.682.864
Số dư cuối năm	123.205.485	1.075.682.864

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	324.049.046.240	167.678.966.853	180.356.532.262	15.013.720.689	687.098.266.044
Tăng trong năm	-	8.815.179.620	8.319.280.818	94.057.273	17.228.517.711
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	39.606.151.654 (5.257.751.950)	15.191.665.787 (441.418.023)	6.733.587.855 (6.908.649.863)	4.878.912.361 -	66.410.317.657 (12.607.819.836)
Số dư cuối năm	358.397.445.944	191.244.394.237	188.500.751.072	19.986.690.323	758.129.281.576
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	69.253.627.319	60.913.675.029	107.568.764.053	9.619.557.079	247.355.623.480
Khấu hao trong năm Thanh lý	20.066.960.805 -	18.965.624.397 (267.038.042)	19.748.415.821 (5.933.229.154)	1.584.706.743 -	60.365.707.766 (6.200.267.196)
Số dư cuối năm	89.320.588.124	79.612.261.384	121.383.950.720	11.204.263.822	301.521.064.050
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	254.795.418.921	106.765.291.824	72.787.768.209	5.394.163.610	439.742.642.564
Số dư cuối năm	269.076.857.820	111.632.132.853	67.116.800.352	8.782.426.501	456.608.217.526

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 85.804 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 77.308 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	202.293.671.806	6.189.780.941	208.483.452.747
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	10.923.530.000	4.868.914.500	15.792.444.500
Thanh lý	(10.119.880.100)	-	(10.119.880.100)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>203.097.321.706</b>	<b>11.058.695.441</b>	<b>214.156.017.147</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	504.619.263	3.024.365.820	3.528.985.083
Khấu hao trong năm	208.923.452	951.847.765	1.160.771.217
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>713.542.715</b>	<b>3.976.213.585</b>	<b>4.689.756.300</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	201.789.052.543	3.165.415.121	204.954.467.664
Số dư cuối năm	202.383.778.991	7.082.481.856	209.466.260.847

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.858 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.407 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 các tài sản cố định vô hình có giá trị sổ sách là 24.810 triệu VND (1/1/2017: 24.810 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 19(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	91.237.557.345	32.279.362.131
Tăng trong năm	52.389.321.841	89.867.668.025
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(66.410.317.657)	(26.110.317.381)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(15.792.444.500)	(2.597.582.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.065.865.427)	(1.737.976.213)
Thanh lý	-	(463.597.217)
	52.358.251.602	91.237.557.345
	52.358.251.602	91.237.557.345

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy thuốc Châu Thành	13.461.274.712	32.203.272.958
Hệ thống máy ủ hạt giống	18.211.925.120	17.560.236.232
Nâng cấp các trại sản xuất hạt giống	4.149.040.698	5.734.259.266
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	646.294.486	7.505.705.402
Các dự án khác	15.889.716.586	28.234.083.487
	52.358.251.602	91.237.557.345
	52.358.251.602	91.237.557.345

**12. Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9% (1/1/2017: từ 8,7% đến 9%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2017		1/1/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư vào các công ty con</b>						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	120.000.000.000	-	100%	120.000.000.000	120.000.000.000	(11.535.225.058)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	60.000.000.000	(13.416.584.456)	100%	60.000.000.000	60.000.000.000	(11.206.670.318)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	60.000.000.000	(1.772.628.670)	100%	60.000.000.000	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	50.833.316.000	-	76,51%	50.833.316.000	50.833.316.000	-
▪ Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	14.579.600.000	-	100%	14.579.600.000	14.579.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	12.878.910.000	-	50,44%	12.878.910.000	12.878.910.000	-
▪ Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	4.800.000.000	-	60%	4.800.000.000	1.800.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	3.000.000.000	-	100%	3.000.000.000	3.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ An Thịnh Điền (i)	-	-	100%	-	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (ii)	-	-	100%	-	-	-
▪ Công ty TNHH Trích ly dầu cá Vĩnh Hòa (iii)	-	-	60%	-	-	-
	446.091.826.000	(15.189.213.126)		443.091.826.000	443.091.826.000	(22.741.895.376)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
▪ Công ty Cổ phần Lion Agrevo	32.983.650.000	-	29,91%	32.983.650.000	-	-
	479.075.476.000	(15.189.213.126)		443.091.826.000	443.091.826.000	(22.741.895.376)

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (“Ân Thịnh Điền”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 6300233285 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 11 tháng 10 năm 2013, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Ân Thịnh Điền.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (“Vĩnh An”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101751607 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 6 năm 2014, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh An.
- (iii) Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (“Vĩnh Hòa”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101791896 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 18 tháng 5 năm 2015, trong đó Công ty nắm giữ 60% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh Hòa.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	22.741.895.376	1.713.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	3.982.542.808	22.741.895.376
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(1.012.000.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.535.225.058)	(701.000.000)
Số dư cuối năm	15.189.213.126	22.741.895.376

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phí bảo hiểm trả trước	5.142.943	1.474.289.643
Chi phí thuê hoạt động trả trước	2.582.334.802	3.732.310.510
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.330.213.006	1.202.790.581
	3.917.690.751	6.409.390.734

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.042.153.792	25.027.807.262	29.069.961.054
Tăng trong năm	2.201.400.000	18.263.871.003	20.465.271.003
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.065.865.427	9.065.865.427
Phân bổ trong năm	(2.977.193.775)	(24.138.241.793)	(27.115.435.568)
	3.266.360.017	28.219.301.899	31.485.661.916

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:</i>			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20%	7.120.894.507	6.831.871.097
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	7.719.822.269	9.439.344.821
Phải trả ngắn hạn khác	20%	-	302.481.550
		14.840.716.776	16.573.697.468

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2017</b> Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	<b>1/1/2017</b> Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	1.109.023.140.120	1.254.803.250.645
Các nhà cung cấp khác	282.573.763.122	285.146.082.648
	<b>1.391.596.903.242</b>	<b>1.539.949.333.293</b>

**(b) Phải trả người bán là bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b> Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	<b>1/1/2017</b> Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<b>Công ty con</b> Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh		- 4.000.000.000
		<b>- 4.000.000.000</b>

Khoản phải trả thương mại cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số được hoàn trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.323.816.265	622.333.226.666	(474.172.495.673)	-	(117.900.413.591)	-	41.584.133.667
Thuế thu nhập cá nhân	7.039.670.712	37.311.939.710	-	3.446.032.889	(33.532.472.075)	-	14.265.171.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.279.961.215	117.690.683.604	-	-	(56.370.870.306)	-	117.599.774.513
Các loại thuế khác	(69.419.265)	16.995.114.790	-	-	(16.122.536.427)	703.533.600	1.506.692.698
	74.574.028.927	794.330.964.770	(474.172.495.673)	3.446.032.889	(223.926.292.399)	703.533.600	174.955.772.114

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	31/12/2017 VND
Thuế xuất nhập khẩu	-	703.533.600	703.533.600

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	93.637.819.407	52.085.789.616
Chi phí lãi vay	10.690.148.233	2.998.264.673
Hoa hồng môi giới	6.063.363.100	-
Phân phối nhượng quyền thương mại	2.988.616.200	-
Chi phí hội nghị khách hàng	572.500.000	4.936.307.500
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.066.022.557	1.061.319.356
	<b>116.018.469.497</b>	<b>61.081.681.145</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	25.548.521.500	113.253.975.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	12.044.499.087	5.307.763.083
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp	2.548.904.929	2.210.350.006
Phải trả ngắn hạn khác	35.844.895.645	29.698.068.290
	<b>75.986.821.161</b>	<b>150.470.156.379</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.599.002.885.956	5.627.534.768.384	(5.154.123.511.629)	(350.000.000)	2.072.064.142.711	2.072.064.142.711
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	302.734.600.000	73.577.500.000	(302.734.600.000)	-	73.577.500.000	73.577.500.000
	1.901.737.485.956	5.701.112.268.384	(5.456.858.111.629)	(350.000.000)	2.145.641.642.711	2.145.641.642.711

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	193.695.074.498	148.108.653.202
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	163.155.986.045	92.343.409.950
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	147.940.410.286	24.458.401.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	275.056.743.794	129.408.819.652
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(v)	VND	335.104.142.931	159.934.018.592
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	235.433.811.896	93.670.367.500
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(vii)	USD	227.000.000.000	478.002.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(viii)	VND	317.810.194.837	442.138.234.400
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(ix)	VND	52.589.299.030	-
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	VND	124.278.479.394	14.025.904.380
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	USD	-	16.913.076.480
			<b>2.072.064.142.711</b>	<b>1.599.002.885.956</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 4,8% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,0%).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 4,6% (1/1/2017: 4,9%).
- (iii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 4,0% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,6%).
- (iv) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ là 5,3% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (v) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 4,8% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (vii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm là 2,5% (1/1/2017: từ 2,0% đến 2,3%).
- (viii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ là 5,1% (1/1/2017: từ 4,6% đến 5,0%).
- (ix) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 100 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,1%.
- (x) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 5,1% đến 5,5% cho khoản vay bằng VND (1/1/2017: từ 4,7% đến 4,9% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD).

**(b) Vay dài hạn và trái phiếu phát hành**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn (i)	73.577.500.000	376.456.250.000
Trái phiếu thường (ii)	220.000.000.000	-
	293.577.500.000	376.456.250.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(73.577.500.000)	(302.734.600.000)
	220.000.000.000	73.721.650.000
	220.000.000.000	73.721.650.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:**

Bên cho vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited (*)	USD	2018	4,5% - 4,8%	52.777.500.000	355.656.250.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	VND	2018	8,2%	20.800.000.000	20.800.000.000
				73.577.500.000	376.456.250.000

(\*) Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 8.451 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 49.585 triệu VND) (Thuyết minh 4) và động sản với giá trị ghi sổ là 384.953 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 429.339 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

(\*\*) Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (\*) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 372.603 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 388.208 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở khoản vay (\*).

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Điều khoản và điều kiện của trái phiếu phát hành theo mệnh giá**

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Trái phiếu được phát hành cho:</b>				
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	2019	140.000.000.000	-
▪ Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VND	2019	72.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)	VND	2019	8.000.000.000	-
			220.000.000.000	-

Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 10). Các trái phiếu này chịu lãi suất năm 8.2% cho năm đầu tiên và lãi suất biên huy động của ngân hàng cộng 2,5% cho các năm tiếp theo. Tiền lãi được trả theo kỳ 6 tháng.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	47.183.889.613	84.136.547.865
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 22)	52.054.210.000	48.433.025.420
Sử dụng quỹ trong năm	(62.107.153.535)	(85.385.683.672)
	37.130.946.078	47.183.889.613

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Bảo hành xây lắp VND	Trợ cấp thời việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.745.522.040	47.196.724.106	49.942.246.146
Sử dụng dự phòng trong năm	(143.097.746)	(1.111.893.219)	(1.254.990.965)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.486.153.623)	(7.485.719.545)	(9.971.873.168)
	116.270.671	38.599.111.342	38.715.382.013

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	669.739.712.184	178.667.704.543	310.827.543.057	2.108.919.459.784
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	422.339.128.760	422.339.128.760
Trích lập các quỹ	-	-	40.103.564.904	29.570.256.000	(69.673.820.904)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(48.433.025.420)	(48.433.025.420)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(28.681.693.087)	(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(25.978.326.622)	-	25.978.326.622	-
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	683.864.950.466	179.556.267.456	439.554.702.115	2.252.660.420.037
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	472.389.223.726	472.389.223.726
Trích lập các quỹ	-	-	73.079.565.026	20.410.842.000	(93.490.407.026)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(52.054.210.000)	(52.054.210.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(25.728.779.095)	-	(25.728.779.095)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	756.944.515.492	174.238.330.361	564.915.858.815	2.445.783.204.668

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
<hr/>				
	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của Marina Viet Pte. Ltd.	16.930.986	169.309.860.000	16.930.986	169.309.860.000
Vốn cổ phần của Standard Chartered Singapore	5.493.904	54.939.040.000	5.493.904	54.939.040.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	28.514.660	285.146.600.000	28.514.660	285.146.600.000
<hr/>				
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
<hr/>				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### 24. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu (2016: 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	8.118.970.394	4.058.926.743
Trong vòng 2 đến 5 năm	10.377.450.495	5.610.192.221
Sau 5 năm	44.677.925.595	6.970.497.894
	<b>63.174.346.484</b>	<b>16.639.616.858</b>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	697.206	15.826.579.378	2.408.030	54.531.876.643
▪ EUR	145	3.922.093	145	3.467.370
		<b>15.830.501.471</b>		<b>54.535.344.013</b>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.247.877.065	19.706.528.446



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	5.408.061.015.559	5.051.469.748.987
▪ Lương thực – Gạo	2.122.733.546.004	1.940.530.947.337
▪ Hạt giống cây trồng	810.455.338.684	702.212.389.674
▪ Bao bì	167.113.148.828	181.850.338.966
	<hr/> 8.508.363.049.075	<hr/> 7.876.063.424.964
Từ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(274.681.186.706)	(124.054.087.414)
▪ Hàng bán bị trả lại	(12.961.034.073)	(60.071.352.110)
	<hr/> (287.642.220.779)	<hr/> (184.125.439.524)
Doanh thu thuần	<hr/> 8.220.720.828.296	<hr/> 7.691.937.985.440

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b> (Đã phân loại lại)
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.626.814.968.001	3.560.886.422.969
▪ Lương thực – Gạo	2.045.339.291.498	1.842.100.923.664
▪ Hạt giống cây trồng	611.747.114.830	564.718.969.171
▪ Bao bì	137.664.198.822	150.347.070.032
	<hr/>	<hr/>
	6.421.565.573.151	6.118.053.385.836
	<hr/>	<hr/>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	3.728.277.655	1.352.839.487
Cổ tức	2.735.562.480	3.010.563.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.970.964.532	21.251.842.525
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	797.035.559	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	155.508.172	367.422.802
	<hr/>	<hr/>
	17.387.348.398	25.982.667.814
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	118.754.766.763	114.401.869.542
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(7.552.682.250)	22.040.895.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	10.864.577.956	18.051.560.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	8.733.938.594
Chiết khấu thanh toán	279.578.618	387.343.601
Chi phí tài chính khác	5.994.646.035	6.664.206.202
	<hr/>	<hr/>
	128.340.887.122	170.279.814.012
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Đã phân loại lại)</b>
Chi phí cho nhân viên	283.650.896.381	285.162.749.591
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	307.572.114.001	180.324.213.572
Chi phí giao tế, hội nghị khách hàng	77.579.753.270	41.639.196.981
Chi phí vận chuyển	48.843.283.905	36.583.014.404
Công tác phí	41.151.844.500	31.686.362.779
Chi phí xuất khẩu	22.634.787.457	17.623.950.731
Khấu hao và phân bổ	12.853.344.179	11.470.691.053
Chi phí vật liệu bao bì	11.793.021.847	10.742.475.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.815.294.516	28.821.761.942
Chi phí khác	8.316.132.732	9.811.493.031
	<hr/>	<hr/>
	843.210.472.788	653.865.909.455
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Đã phân loại lại)</b>
Chi phí cho nhân viên	142.090.879.498	120.958.056.663
Chi phí giao tế	19.473.737.946	21.003.168.683
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	33.163.396.626	35.518.683.659
Khấu hao và phân bổ	16.255.793.108	15.972.998.004
Công tác phí	11.010.046.167	11.305.872.281
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.873.635.077	6.737.272.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.585.320.127	7.652.092.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.786.361.157	25.338.885.573
Chi phí khác	18.561.049.568	23.292.960.502
	<hr/>	<hr/>
	270.800.219.274	267.779.989.920
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thu nhập khác**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Hỗ trợ từ các đối tác	13.210.822.482	9.240.973.257
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	364.710.444	14.302.109.091
Thu nhập từ khuyến mãi mua hàng và hỗ trợ mua hàng	-	640.769.616
Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây lắp	2.486.153.623	250.394.940
Thu nhập khác	2.619.455.093	2.826.075.551
	18.681.141.642	27.260.322.455

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.404.301.718.142	4.936.759.380.942
Chi phí nhân công và nhân viên	553.820.188.804	482.238.052.874
Chi phí khấu hao và phân bổ	61.526.478.983	55.776.900.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.507.966.867	381.948.465.350
Chi phí khác	224.659.707.221	200.529.827.517

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện tại	117.690.683.604	114.136.330.389
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.732.980.692	(1.882.858.547)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	119.423.664.296	112.253.471.842

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	591.812.888.022	534.592.600.602
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	118.362.577.604	106.918.520.120
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.608.199.188	5.937.064.322
Thu nhập không chịu thuế	(547.112.496)	(602.112.600)
	<b>119.423.664.296</b>	<b>112.253.471.842</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2016: 20%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các công ty con</i>		
<b>Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia</b>		
Bán hàng hóa	86.896.120.476	18.334.787.900
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình</b>		
Bán hàng hóa	59.160.309.511	64.733.246.685
Mua hàng hóa	370.917.528.100	326.209.665.923
Mua tài sản cố định	1.203.782.861	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn</b>		
Bán hàng hóa	61.198.589.595	90.078.004.076
Mua hàng hóa	1.132.045.352.953	506.708.388.475
Mua tài sản cố định	1.840.358.049	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng</b>		
Bán hàng hóa	30.945.926.679	48.000.987.069
Mua hàng hóa	198.324.997.739	324.294.960.310
Bán tài sản cố định	-	1.115.801.120
Mua dịch vụ	-	373.443.510
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng</b>		
Bán hàng hóa	32.712.301.533	93.035.753.637
Mua hàng hóa	205.853.818.999	271.156.248.064
Mua tài sản cố định	1.627.494.806	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc</b>		
Bán hàng hóa	25.799.005.155	67.966.264.018
Mua hàng hóa	204.756.009.297	394.165.758.500
<b>Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang</b>		
Mua dịch vụ	2.506.935.244	2.617.874.382
Cổ tức	1.210.563.000	1.800.000.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ</b>		
<b>Ân Thịnh Điền</b>		
Bán hàng hóa	1.191.200.000	401.803.010

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất Giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh</b>		
Bán hàng hóa	3.329.393.204	2.455.572.915
Mua hàng hóa	1.231.307.000	-
Góp vốn	-	3.969.808.000
Nhận tiền vay	-	4.000.000.000
Cổ tức	1.524.999.480	-
<b>Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc</b>		
Bán hàng hóa	5.776.635.593	-
Mua hàng hóa	509.710.090	-
Góp vốn	3.000.000.000	1.800.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	14.840.720.000	22.687.877.600
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	4.697.471.967	5.465.355.341

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng cơ bản dở dang nhận từ một công ty con chưa thanh toán	1.353.666.244	7.608.390.948

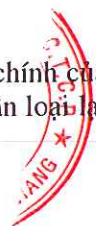
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Số liệu so sánh**

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:



**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

	Mã số	1/1/2017 VND (đã phân loại lại)	1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.258.939.564.529	3.231.077.095.031
Phải thu ngắn hạn khác	136	93.594.589.421	121.457.058.919

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Mã số	2016 VND (đã phân loại lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	11	6.118.053.385.836	6.083.767.771.835
Chi phí bán hàng	25	653.865.909.455	577.273.068.172
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	267.779.989.920	378.658.445.204

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tân Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc